

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 43/2019/DS-PT

Ngày: 31-7-2019

V/v “ Tranh chấp yêu cầu chấm dứt
hành vi cản trở quyền sử dụng đất”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Thanh

Các Thẩm phán: Bà Hồ Tuấn Anh

Ông Võ Công Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Duy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Nam - KSV

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị P – SN: 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B

2. Bị đơn: Ông Trần Đình H – SN: 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Ngọc L – SN: 1969 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Ngọc L: Bà Trương Thị P – Sinh: 1969 (Văn bản ủy quyền ngày 26/7/2019)(có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B

4. Người kháng cáo: ông Trần Đình H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trương Thị P trình bày: Ngày 28/11/2011, vợ chồng bà là Trương Thị P và ông Hồ Ngọc L được Ủy ban nhân dân huyện P (gọi tắt là UBND huyện P) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 20, diện tích 210m², tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B. Năm 2018, vợ chồng bà san lấp mặt bằng để chuẩn bị xây dựng nhà ở thì ông Trần Đình H ngăn cản, không cho xây dựng, vợ chồng bà đã gửi đơn đến UBND xã M, huyện P giải quyết nhưng không thành. Nay vợ chồng bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Trần Đình H trình bày: Nguồn thửa đất số 155, tờ bản đồ số 20, diện tích 210m², tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B là do cha ruột của ông là ông Trần M khai hoang năm 1945. Năm 1954, cha của ông tập kết ra Bắc thửa đất nói trên ông là người quản lý và sử dụng cho đến nay nhưng không có giấy tờ. Năm 2011, UBND huyện Phù Mỹ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L, bà P ông không biết. Năm 2018, vợ chồng ông L, bà P san lấp mặt bằng để xây dựng nhà ở ông ngăn cản không cho. Nay bà P khởi kiện ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Ngọc L trình bày: Ông thống nhất như lời khai của bà Trương Thị P, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ đã quyết định:

Áp dụng khoản 5,7 Điều 166 Luật Đất đai; Điều 164, 169 Bộ luật dân sự.

Buộc ông Trần Đình H có nghĩa vụ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với vợ chồng ông Hồ Ngọc L và bà Trương Thị P, thực hiện quyền sử dụng

thửa đất số 155, tờ bản đồ số 20, diện tích 210m², tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00161 QSDĐ ngày 28/11/2011.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, bị đơn ông Trần Đình H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu đề nghị: Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung, xem xét miễn án phí cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình H, không đồng ý quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, đề nghị xem xét lại bản án đã tuyên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy:

{2} Theo vợ chồng bà P, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 20, diện tích 210m² tại thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B, được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 073644, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00161/QSDĐ ngày 28/11/2011 cho vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Trương Thị P. Năm 2018, vợ chồng bà P san lấp mặt bằng để xây dựng nhà ở thì bị ông Trần Đình H ngăn cản. Ông L, bà P yêu cầu Tòa buộc ông H phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng thửa đất mà ông bà được Nhà nước cấp quyền.

{3} Còn ông Trần Đình H cho rằng: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do cha, mẹ ông khai hoang từ năm 1945 và gia đình ông đã sử dụng cho đến nay.

{4} Án sơ thẩm đã Quyết định chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Trương Thị P, buộc ông Trần Đình H phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng thửa đất đang tranh chấp đối với vợ chồng bà P là có căn cứ, bởi lẽ:

Nguồn gốc thửa đất số 155, tờ bản đồ số 20, diện tích 210m² tại thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B là đất hoang hóa do Ủy ban quản lý, được Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho vợ chồng bà P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 073644, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH 00161/QSĐĐ ngày 28/11/2011 là đúng quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Hành vi của ông H nhằm cản trở quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Trương Thị P là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được thực hiện quyền sở hữu, sử dụng được pháp luật bảo vệ, là vi phạm Điều 164, 169 BLDS năm 2015.

{5} Việc ông Trần Đình H khai nại nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do cha mẹ ông khai hoang từ năm 1945 và gia đình ông đã sử dụng thửa đất từ khi khai hoang đến nay, nhưng trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông H không xuất trình được chứng cứ để cung cấp cho Tòa án hai cấp tỉnh Bình Định xem xét và chứng minh cho lời khai của ông theo Điều 91, 96 BLDS, là không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông H. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Trần Đình H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P về phần nội dung.

{6} Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

{7} Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn nộp án phí, HĐXX chấp nhận đề nghị của ông H, xét miễn án phí.

{8} Đại diện VKS tham gia phiên tòa đề nghị: Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX, thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Về nội dung giữ nguyên bản án sơ thẩm và xem xét miễn án phí phúc thẩm cho ông H là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 164, 169 BLDS năm 2015; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Trần Đình H có nghĩa vụ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất đối với vợ chồng ông Hồ Ngọc L và bà Trương Thị P, tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 20, diện tích 210m², tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện P, tỉnh B đã được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00161 QSDĐ ngày 28/11/2011 cho vợ chồng ông Hồ Ngọc L, bà Trương Thị P.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm Ông Trần Đình H phải chịu 300.000 đồng. Bà Trương Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: 3.000.000 đồng ông Trần Đình H phải chịu. Bà Trương Thị P đã nộp tạm ứng nên ông Trần Đình H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trương Thị P số tiền 3.000.000 đồng.

2.3. Án phí DSPT ông Trần Đình H không phải chịu. Hoàn trả cho ông Trần Đình H số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000773 ngày 07/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông H phải chịu (ông Trần Đình H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm)

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trở lại hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Lê Thị Hoài Thanh

